

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 275/2024/DS-ST
Ngày: 11-7-2024
V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hoa.

Bà Trần Thu Hồng.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lương Huỳnh Phúc Tài, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây.

Ngày 11 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 133/2024/TLST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2024 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2024/QĐXX-ST ngày 04 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 106/2024/QĐST-DS ngày 25 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Tấn C, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Số 122/15/40 Bùi Tư Toàn, phường A, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bùi Văn T, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Ấp T, xã Y, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

(*Ông C xin vắng mặt; ông T vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Nguyễn Tấn C trình bày:

Do có quen biết với ông T. Do ông T cần tiền để xoay sở công việc nên vào ngày 13/11/2021 ông có cho ông T vay số tiền 305.000.000 đồng, thỏa thuận thời hạn vay là 03 tháng sau sẽ trả tiền tức ngày 13/01/2022, lãi suất tự thỏa thuận. Khi vay tiền anh T có làm hợp đồng vay tiền không có biện pháp bảo đảm cho ông tại Văn phòng công chứng P. Ông đã giao tiền cho ông T đầy đủ.

Sau khi vay tiền ông T có trả lãi cho ông được mấy tháng rồi ngưng không trả nữa, ông T năn nỉ cho nợ tiền và không trả lãi do công việc làm ăn khó khăn.

Đầu năm 2024 ông có liên hệ ông T và nhiều lần yêu cầu ông T trả cho ông số tiền 305.000.000 đồng nhưng ông T cứ hẹn nhiều lần mà không thực hiện, hiện tại vẫn còn nợ ông số tiền 305.000.000 đồng.

Nay ông yêu cầu ông T trả số tiền 305.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, yêu cầu trả tiền khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông Bùi Văn T mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông T vẫn vắng mặt và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn ông Nguyễn Tấn C khởi kiện yêu cầu ông Bùi Văn T trả số tiền vay 305.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử xác định đây là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại địa phương nên thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân huyện G theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa:

Xét nguyên đơn ông Nguyễn Tấn C có đơn xin vắng mặt; bị đơn ông Bùi Văn T đã được triệu tập xét xử lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt đối với ông C và ông T.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tấn C, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Do có quen biết với ông T nên ông C có cho ông T vay số tiền 305.000.000 đồng vào ngày 13/11/2021, thỏa thuận thời hạn vay là 03 tháng, lãi suất tự thỏa thuận, ông T có ký hợp đồng vay tiền không có biện pháp bảo đảm cho ông C và đến hạn trả tiền ông T không trả tiền cho ông C mặc dù ông C đã nhiều lần yêu cầu ông T trả tiền nên ông C khởi kiện. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình ông C đã cung cấp cho Tòa án Hợp đồng vay tiền không có biện pháp bảo đảm được công chứng ngày 13/11/2021. Phía ông T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông T vẫn vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho thấy ông T đã từ bỏ quyền chứng minh của mình. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác

định ông T còn nợ ông C số tiền 305.000.000 đồng và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C, buộc ông T có nghĩa vụ trả cho ông C số tiền 305.000.000 đồng.

[3.2] Về yêu cầu tính lãi: Ghi nhận sự tự nguyện của ông C không yêu cầu ông T trả tiền lãi.

[3.3] Về thời gian trả tiền: Ông C yêu cầu ông T trả cho ông C số tiền 305.000.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật có cơ sở vì ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và nợ tiền của ông C làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông C. Do đó, Hội đồng xét xử buộc ông T trả cho ông C số tiền 305.000.000 đồng khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông C được Tòa án chấp nhận nên ông T phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tấn C.

Buộc ông Bùi Văn T có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Tấn C số tiền 305.000.000 đồng (*Ba trăm lẻ năm triệu đồng*).

Kể từ ngày ông Nguyễn Tấn C có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Bùi Văn T không trả số tiền trên thì hàng tháng ông T phải trả lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về án phí: Ông Bùi Văn T phải chịu 15.250.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho ông Nguyễn Tấn C số tiền 7.625.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009412 ngày 24/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G.

Báo nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng

chế thi hành theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TG;
- VKSND huyện G;
- CC THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Võ Thị Xuân